

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20-3-2023

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Khoa Nam

Ông Huỳnh Văn Đường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn M, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2022 và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị H trình bày:

Chị H và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 15/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với gia đình chồng thuộc thôn A, xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 04 tháng nhưng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của hai vợ chồng quá khác biệt, không thể hòa hợp trong mọi chuyện. Tính đến nay vợ chồng đã không sống chung với nhau được hơn 04 năm, không ai liên lạc hỏi thăm hay có ý hàn gắn, và hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H anh M không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị N là mẹ ruột của bị đơn, bà N cho biết thời gian vợ chồng chị H anh M sống chung không nhiều, và trong quá trình sống chung không thấy hai vợ chồng có xảy ra xung đột hay cãi vã gì vì chị H là người ít nói và không biết lý do vợ chồng chị H anh M không sống chung. Vợ chồng H M không có con chung và đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, bà Nắng không có ý kiến gì vì đây là việc riêng của vợ chồng H M.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Trần Văn M, bị đơn cư trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 15/5/2018, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xét thấy tuy không xác định được nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh M nhưng trên thực tế vợ chồng chị H anh M đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bản thân anh M biết việc chị H xin ly hôn và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có bất cứ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Chị H và anh M không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho chị Trần Thị H ly hôn với anh Trần Văn M.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008399 ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND xã L, H. Phú Riềng,
- T. Bình Phước (Số 35, ngày 15/5/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân